

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
**Số: 20/BM/2022**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH**

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.7192355; Fax: 0243.7191466

Email: banhkeobaominh@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0101966872.

Công ty cổ phần bánh mứt kẹo Bảo Minh đã được cấp giấy:

1. Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018
2. Chứng nhận hệ thống Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn – HACCP

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: BÁNH PÍA**

**2. Thành phần:** Đậu xanh, đường kính, bột mì, dầu thực vật, sầu riêng, trứng muối (5%), mứt bí, mỡ lợn, bơ thực vật, mạch nha, bột nếp, tinh bột sắn, dextrose monohydrate, chất làm ẩm (422), nước sạch, muối tinh, hương liệu tổng hợp (hương sầu riêng), chất bảo quản (202).

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 60 ngày kể từ ngày sản xuất, bảo quản ở nhiệt độ thường.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được bao gói bằng màng OPP/SCPP, khay nhựa PET, bao bì OPP/MPET/SCPP, hộp giấy đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh: 30 g/gói, 35 g/gói, 36 g/gói, 40 g/gói, 45 g/gói, 48 g/gói, 50 g/gói, 52 g/gói, 54 g/gói, 55 g/gói, 56 g/gói, 58 g/gói, 60 g/gói, 62 g/gói, 64 g/gói, 65 g/gói, 66 g/gói, 68 g/gói, 70 g/gói, 72 g/gói, 74 g/gói, 75 g/gói, 76 g/gói, 78 g/gói, 80 g/gói, 90 g/gói, 92 g/gói, 96 g/gói, 100 g/gói, 110 g/gói, 120 g/gói, 130 g/gói, 140 g/gói, 150 g/gói, 160 g/gói, 170 g/gói, 180 g/gói, 190 g/gói, 200 g/gói, 220 g/gói, 250 g/gói, 270 g/gói, 280 g/gói, 290 g/gói, 300 g/gói, 310 g/gói, 320 g/gói, 340 g/gói, 350 g/gói, 360 g/gói, 370 g/gói, 380 g/gói, 400 g/gói, 420 g/gói, 440 g/gói, 450 g/gói, 460 g/gói, 480 g/gói, 500 g/gói, 550 g/gói, 600 g/gói, 700 g/gói, 750 g/gói, 800 g/gói, 850 g/gói, 900 g/gói, 950 g/gói, 1 kg/gói.

Hoặc đóng gói theo nhu cầu kinh doanh của đơn vị.



### III. Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến:

Sản phẩm của: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MÚT KẸO BẢO MINH**

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Cửa hàng giới thiệu sản phẩm: Số 12 Hàng Than – Q. Ba Đình – TP. Hà Nội.

Hotline: 1900636443

ISO 22000 : 2018

Website: [www.banhbaominh.com](http://www.banhbaominh.com)

**Sản xuất tại:**

#### 1. CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MÚT KẸO BẢO MINH (A)

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

#### 2. CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MÚT KẸO BẢO MINH - CHI NHÁNH PHÍA NAM (B)

Địa chỉ: Lô số 54 Đường số 2, Khu công nghiệp Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

*Ghi chú: Ký hiệu nơi sản xuất xem cạnh ngày sản xuất.*

## BÁNH PÍA

**Thành phần:** Đậu xanh, đường kính, bột mì, dầu thực vật, sầu riêng, trứng muối (5%), mút bí, mỡ lợn, bơ thực vật, mạch nha, bột nếp, tinh bột sắn, dextrose monohydrate, chất làm ẩm (422), nước sạch, muối tinh, hương liệu tổng hợp (hương sầu riêng), chất bảo quản (202).

### THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)

Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	344.3	kcal	-
Chất đạm (Protein)	6.9	g	-
Carbohydrate	52.8	g	17 %
Đường tổng số (Total Sugars)	32.2	g	-
Chất béo (Fat)	11.6	g	21 %
Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	4.4	g	22 %
Natri (Sodium)	106.6	mg	5 %

*% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values – NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g thực phẩm.*

196  
CÔNG  
CỔ P  
INH T  
BẢO  
C TỬ

**Ngày sản xuất, hạn sử dụng, khối lượng tịnh:** In trên bao bì.

**Thông tin, cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm hết hạn.

Sản phẩm có chứa lúa mì, trứng.

**Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

- \* Sản phẩm chín ăn liền.
- \* Bảo quản ở nhiệt độ thường, để nơi sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Sản xuất theo TCCS 20:2022/BM. Bản tự công bố số: 20/BM/2022

**Xuất xứ:** Việt Nam.

Y  
IN  
I KẾ  
INH  
1-TP.

#### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

- \* Công ty sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo :
  - Thông tư số 24/2019/TT-BYT Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
  - Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT về việc ban hành quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
  - Nghị định 43/2017/NĐ-CP nghị định về nhãn hàng hóa.
  - Thông tư số 05/2019/TT-BKHCN thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
  - Nghị định số 111/2021/NĐ-CP nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
  - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm : QCVN 8-1:2011/BYT.
  - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm : QCVN 8-2:2011/BYT.
  
- \* Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2022  
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Ngô Thị Linh*



# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

## I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH
2. Địa chỉ/ Address : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3. Tên mẫu thử/ Name of Sample : BÁNH PÍA
4. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu nguyên thành phẩm, đựng trong túi kín, NSX: 29/07/2024, HSD: 26/09/2024
5. Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 05/08/2024
6. Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Không có mẫu lưu
7. Ngày thử nghiệm/ Date of test : 05/08/2024-12/08/2024
8. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 12/08/2024

## II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
1	Trạng thái cảm quan	-	Sản phẩm có hình tròn. Vỏ bánh có màu vàng, không bị cháy. Nhân bánh là nhân nhuyển có kèm trứng muối. Mùi, vị đặc trưng cho sản phẩm; không có mùi, vị lạ. Không có tạp chất lạ nhìn bằng mắt thường	VNT.H.03.V.42	TCCS/GMP
2	Hàm lượng ẩm	%	27,51	TCVN 4069:2009	TCCS/GMP

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be repaduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV240805.05/2.1

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
3	Trị số axit	mgKOH/g	0,58	TCVN 12940:2020 TCVN 6127:2010	TCCS/GMP
4	Trị số Peroxit	meq/Kg	KPH (LOD = 0,1)	Ref. TCVN 6121:2018	TCCS/GMP
5	Đường tổng số	%	30,34	TCVN 4074:2009	TCCS/GMP
6	Protein	%	6,69	Ref. TCVN 8125:2015	TCCS/GMP
7	Carbohydrate	%	55,07	VNT.H.03.Fo.187	TCCS/GMP
8	Béo tổng	%	9,86	TCVN 4072:2009	TCCS/GMP
9	Chất bảo quản: Kali Sorbat (E202)*	mg/kg	263,11	TCVN 8122:2009	1000
10	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)*	µg/kg	KPH (LOD = 1,2)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	4
11	Aflatoxin B1*	µg/kg	KPH (LOD = 1,2)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	2
12	Ochratoxin A (OTA)*	µg/kg	KPH (LOD = 0,5)	VNT.H.03.Fo.79 (2021)	3
13	Deoxynivalenol (DON)*	µg/kg	KPH (LOD = 30)	VNT.H.03.Fo.180 (2021)	500
14	Zearalenone (ZEN)*	µg/kg	KPH (LOD = 3)	VNT.H.03.Fo.181 (2021)	50
15	Cadimi (Cd)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 8126:2009	0,2
16	Chì (Pb)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 8126:2009	0,2
17	Arsen (As)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,05)	VNT.H.03.Fo.98 (2022)	1
18	Dư lượng hóa chất BVTV: Endosulfan	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	VNT.H.03.Fo.151 (Ref. AOAC 2007.01)	-
19	Tổng số vi sinh vật hiếu khí*	CFU/g	1,1 x 10 <sup>2</sup>	TCVN 4884-1:2015	10 <sup>4</sup>
20	Tổng số nấm men - nấm mốc*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-2:2010	10 <sup>2</sup>

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vincerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



VILAS 1298  
 ISO/IEC 17025:2017

VINCERTS 321

Mã số/ Code: DV240805.05/2.1

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
21	Coliforms*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848:2007	10
22	E. coli*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008	3
23	Staphylococci dương tính với coagulase*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4830-1:2005	10
24	Clostridium perfringens*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4991:2005	10
25	Bacillus cereus*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4992:2005	10
26	Salmonella spp.*	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017	KPH



**Ghi chú/ Note:**

- KPH: Không phát hiện.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- Thuốc BVTV: Thuốc bảo vệ thực vật
- (1): Tiêu chuẩn cơ sở Công ty Công ty cổ phần bánh mứt kẹo Bảo Minh
- (2): Thông tư 24/2019/TT-BYT: Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm
- (3): QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- (4): QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- (5): Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm
- (-): Không quy định

**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
 QC Manager

**VŨ THỊ KIM THANH**

**VIỆN TRƯỞNG**  
 DIRECTOR



**ThS. TRỊNH CÔNG SƠN**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vincerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV240805.05/2.2

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

### I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH  
Customer's Name
2. Địa chỉ/ : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy  
Address Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3. Tên mẫu thử/ : BÁNH PÍA  
Name of Sample
4. Mô tả mẫu/ : Mẫu nguyên thành phẩm, đựng trong túi kín, NSX: 29/07/2024, HSD:  
Sample Description 26/09/2024
5. Ngày nhận mẫu/ : 05/08/2024  
Date sample received
6. Thời gian lưu mẫu/ : Không có mẫu lưu  
Sample retention time
7. Ngày thử nghiệm/ : 05/08/2024-12/08/2024  
Date of test
8. Ngày trả kết quả/ : 12/08/2024  
Date of issue

### II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Năng lượng (Energy)	Kcal/100g	335,78	VNT.H.03.Fo.277
2	Chất đạm (Protein)	%	6,69	Ref. TCVN 8125:2015
3	Carbohydrate	%	55,07	VNT.H.03.Fo.187
4	Đường tổng số (Total Sugars)	%	30,34	TCVN 4074:2009
5	Chất béo (Fat)*	%	9,86	TCVN 4072:2009
6	Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	%	4,11	AOAC 996.06
7	Natri (Sodium)	mg/100g	68,03	TCVN 10916:2015

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV240805.05/2.2

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
8	Bảng thành phần dinh dưỡng/ Nutrition facts	-	Xem bảng đính kèm	-

**Ghi chú/ Note:**

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo. Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành / Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is valid conference only. The customer should update

**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**

QC Manager

**VŨ THỊ KIM THANH**

**VIỆN TRƯỞNG**

DIRECTOR



**THS. TRỊNH CÔNG SƠN**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



## BẢNG THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG/ NUTRITION FACTS

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)*
Năng lượng (Energy)	335.7	Kcal	17%
Chất đạm (Protein)	6.6	g	13%
<i>Carbohydrate</i>	55.0	g	17%
Đường tổng số (Total Sugars)	30.3	g	-
Chất béo (Fat)	9.8	g	18%
Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	4.1	g	21%
Natri (Sodium)	68.0	mg	3%
* % giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên chế độ ăn 2.000kcal/người/ngày.			

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV220916.18/01.1

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

### I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH  
Customer's Name
2. Địa chỉ/ : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy  
Address Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3. Tên mẫu thử/ : BÁNH PÍA  
Name of Sample
4. Mô tả mẫu/ : Mẫu nguyên thành phẩm, đựng trong túi kín, NSX: 14/09/2022; HSD:  
Sample Description 12/11/2022
5. Ngày nhận mẫu/ : 16/09/2022  
Date sample received
6. Thời gian lưu mẫu/ : Lưu mẫu 10 ngày  
Sample retention time sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/ : 16/09/2022-24/09/2022  
Date of test
8. Ngày trả kết quả/ : 24/09/2022  
Date of issue

### II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
1	Trạng thái cảm quan	-	Sản phẩm có hình tròn. Vỏ bánh có màu vàng, không bị cháy. Nhân bánh là nhân nhuyển có kèm trứng muối. Mùi, vị đặc trưng cho sản phẩm; không có mùi, vị lạ.	Cảm quan	TCCS/GMP <sup>(1)</sup>
2	Trị số axit	mg/g	0,09	Ref.TCVN 6127:2010	TCCS/GMP <sup>(1)</sup>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this test report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Kiểm nghiệm và Kiểm định Chất lượng VNTEST/ This report will not be reproduced except in full, without approval of VNTEST.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited by ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractor (\*\*).
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ Do not receive complaints in the absence of retention samples or the prescribed retention of samples expired.



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM  
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION

Đc: Số 07, Ngách 168/21, Đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.66.86.76.38 – Email: info@vntest.vn – Website: www.vntest.vn



Mã số/ Code: DV220916.18/01.1

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
3	Trị số peroxit	meq/kg	< 0,3	Ref.TCVN 6121:2018	TCCS/GMP <sup>(1)</sup>
4	Ẩm	%	27,65	TCVN 4069:2009	TCCS/GMP <sup>(1)</sup>
5	Chất đạm (Protein)	%	6,97	Ref.TCVN 8134:2009	TCCS/GMP <sup>(1)</sup>
6	Carbohydrate	%	52,82	VNT.H.03.Fo.187	TCCS/GMP <sup>(1)</sup>
7	Đường tổng số (Total Sugars)	%	32,23	TCVN 4074:2009	TCCS/GMP <sup>(1)</sup>
8	Chất béo (Fat)	%	11,69	TCVN 4072:2009	TCCS/GMP <sup>(1)</sup>
9	Chất bảo quản: Kali sorbat*	mg/kg	429,35	TCVN 8122:2009	1000 <sup>(2)</sup>
10	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)*	µg/kg	KPH (LOD = 1,8)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	4 <sup>(3)</sup>
11	Aflatoxin B1*	µg/kg	KPH (LOD = 1,8)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	2 <sup>(3)</sup>
12	Ochratoxin A*	µg/kg	KPH (LOD = 0,5)	VNT.H.03.Fo.79 (2021)	3 <sup>(3)</sup>
13	Deoxynivalenol*	µg/kg	KPH (LOD = 30)	VNT.H.03.Fo.180 (2021)	500 <sup>(3)</sup>
14	Zearalenone*	µg/kg	KPH (LOD = 3)	VNT.H.03.Fo.181(2021)	50 <sup>(3)</sup>
15	Cadimi (Cd)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 8126:2009	0,2 <sup>(4)</sup>
16	Chì (Pb)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 8126:2009	0,2 <sup>(4)</sup>
17	Dư lượng hóa chất BVTV: Endosulfan	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	VNT.H.03.Fo.151 (Ref. AOAC 2007.01)	-
18	Tổng số vi sinh vật hiếu khí*	CFU/g	1,4 x 10 <sup>2</sup>	TCVN 4884-1:2015	10 <sup>4(5)</sup>
19	Tổng số nấm men - nấm mốc*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-2:2010	10 <sup>2(5)</sup>
20	Coliforms*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848:2007	10 <sup>(5)</sup>

HỌC VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this test report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Kiểm nghiệm và Kiểm định Chất lượng VNTEST/ This report will not be reproduced except in full, without approval of VNTEST.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited by ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractor (\*\*).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ Do not receive complaints in the absence of retention samples or the prescribed retention of samples expired.



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM  
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION

Đc: Số 07, Ngách 168/21, Đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.66.86.76.38 – Email: info@vntest.vn – Website: www.vntest.vn



Mã số/ Code: DV220916.18/01.1

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
21	<i>E. coli</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008	3 <sup>(5)</sup>
22	<i>Staphylococci dương tính với coagulase</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4830-1:2005	10 <sup>(5)</sup>
23	<i>Clostridium perfringens</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4991:2005	10 <sup>(5)</sup>
24	<i>Bacillus cereus</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4992:2005	10 <sup>(5)</sup>
25	<i>Salmonella spp.</i> *	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017	KPH <sup>(5)</sup>

**Ghi chú/ Note:**

- KPH: Không phát hiện.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- (1): Tiêu chuẩn cơ sở công ty công ty cổ phần bánh mứt kẹo Bảo Minh
- (2): Thông tư 24/2019/TT-BYT: Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm
- (3): QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- (4): QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- (5): Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm
- (-): Không quy định

**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**

QC Manager

**VŨ THỊ KIM THANH**

**VIỆN TRƯỞNG**

DIRECTOR

**TRẦN CÔNG SƠN**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this test report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Kiểm nghiệm và Kiểm định Chất lượng VNTEST/ This report will not be reproduced except in full, without approval of VNTEST.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited by ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractor (\*\*).
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ Do not receive complaints in the absence of retention samples or the prescribed retention of samples expired.



Mã số/ Code: DV220916.18/01.2

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

### I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH  
Customer's Name
2. Địa chỉ/ : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy  
Address Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3. Tên mẫu thử/ : BÁNH PÍA  
Name of Sample
4. Mô tả mẫu/ : Mẫu nguyên thành phẩm, đựng trong túi kín, NSX: 14/09/2022; HSD:  
Sample Description 12/11/2022
5. Ngày nhận mẫu/ : 16/09/2022  
Date sample received
6. Thời gian lưu mẫu/ : Lưu mẫu 10 ngày  
Sample retention time sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/ : 16/09/2022-24/09/2022  
Date of test
8. Ngày trả kết quả/ : 24/09/2022  
Date of issue

### II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Năng lượng (Energy)	kcal/100g	344,37	Calculate (included testing fat, carbohydrate, protein, food composition)
2	Chất đạm (Protein)	%	6,97	Ref.TCVN 8134:2009
3	Carbohydrate	%	52,82	VNT.H.03.Fo.187
4	Đường tổng số (Total Sugars)	%	32,23	TCVN 4074:2009
5	Chất béo (Fat)	%	11,69	TCVN 4072:2009
6	Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	%	4,4	VNT.H.03.Fo.282

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this test report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Kiểm nghiệm và Kiểm định Chất lượng VNTEST/ This report will not be reproduced except in full, without approval of VNTEST.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited by ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractor (\*\*).
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ Do not receive complaints in the absence of retention samples or the prescribed retention of samples expired.

HIỆP CÁC HỘI



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM  
**VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST**

VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION

Đc: Số 07, Ngách 168/21, Đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.66.86.76.38 – Email: info@vntest.vn – Website: www.vntest.vn



Mã số/ Code: DV220916.18/01.2

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
7	Natri (Sodium)	mg/100g	106,6	TCVN 10916:2015
8	Bảng thành phần dinh dưỡng/ Nutrition Facts	-	Xem bảng đính kèm	-

**Ghi chú/ Note:**

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo. Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành/ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is valid conference only. The customer should update it and comply with regulation currently.

**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**

QC Manager

**VŨ THỊ KIM THANH**

**VIỆN TRƯỞNG**

DIRECTOR

**Ths. TRỊNH CÔNG SƠN**



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this test report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Kiểm nghiệm và Kiểm định Chất lượng VNTEST/ This report will not be reproduced except in full, without approval of VNTEST.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited by ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractor (\*\*).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ Do not receive complaints in the absence of retention samples or the prescribed retention of samples expired.



Mã số/ Code: DV220916.18/01.2

## BẢNG THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG/ NUTRITION FACTS

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	344.3	kcal	-
Chất đạm (Protein)	6.9	g	-
Carbohydrate	52.8	g	17 %
Đường tổng số (Total Sugars)	32.2	g	-
Chất béo (Fat)	11.6	g	21%
Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	4.4	g	22%
Natri (Sodium)	106.6	mg	5%
<p><i>% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values – NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g thực phẩm.</i></p>			

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this test report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Kiểm nghiệm và Kiểm định Chất lượng VNTEST/ This report will not be reproduced except in full, without approval of VNTEST.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited by ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractor (\*\*).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ Do not receive complaints in the absence of retention samples or the prescribed retention of samples expired.



Sản xuất theo TCCS 2020/22/BM, Bánh tự công  
 bố số: 20/BM/2022  
**Thành phần:** Đậu xanh, đường kính, bột mì, dầu thực vật, sầu riêng, trứng muối (5%), mứt, mering, bơ thực vật, mạch nha bột nếp, tinh bột sắn, dextrose monohydrate, chất làm mềm (E221), nước sakh, muối tinh, Hương liệu tổng hợp (Hương sầu riêng), chất bảo quản (202).  
**Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**  
 \* Sản phẩm chín ăn liền.  
 \* Bảo quản ở nhiệt độ thường, để nơi sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.  
**Ingredients:** Green beans, sugar, wheat flour, vegetable oil, durian, salted egg (5%), squash jam, lard, margarine, malt, glutinous rice flour, tapioca starch, dextrose, monohydrate, substance humification (E221), clean water, refined salt, synthetic flavouring (durian flavor), preservative (202).

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)	
Thành phần dinh dưỡng	Tính 100 g
Năng lượng (Energy)	3443 Kcal
Chất đạm (Protein)	53 g
Chất béo (Fat)	32 g
Carbohydrate (Carb.)	114 g
Chất béo bão hòa (Saturated Fat)	44 g
Natri (Sodium)	1064 mg

% giá trị dinh dưỡng (theo chuẩn DRV)  
 \* giá trị dinh dưỡng dựa trên mức dinh dưỡng hàng ngày cho người tiêu dùng trung bình. \* giá trị dinh dưỡng dựa trên mức dinh dưỡng hàng ngày cho người tiêu dùng trung bình. \* giá trị dinh dưỡng dựa trên mức dinh dưỡng hàng ngày cho người tiêu dùng trung bình. \* giá trị dinh dưỡng dựa trên mức dinh dưỡng hàng ngày cho người tiêu dùng trung bình.

Sản phẩm của:  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BÀNH MỨT KÈO BẢO MINH**  
 Địa chỉ: Lô B2-3-3a, KCN Nam Thăng Long (kh. B), P.Thủy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.  
 Cửa hàng giới thiệu sản phẩm: 56 T2 Hàng Than - Q. Ba Đình - TP. Hà Nội.  
 Hotline: 1900636443  
 Website: www.banhbaominh.com  
**Sản xuất tại:**  
 1. CÔNG TY CỔ PHẦN BÀNH MỨT KÈO BẢO MINH (A)  
 Địa chỉ: Lô B2-3-3a, KCN Nam Thăng Long (kh. B), P.Thủy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.  
 2. CÔNG TY CỔ PHẦN BÀNH MỨT KÈO BẢO MINH - CHI NHÁNH PHÍA NAM (B)  
 Địa chỉ: Lô số 54 Đường số 2, Khu công nghiệp Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.  
 Ghi chú: Ký hiệu nơi sản xuất xem cạnh ngày sản xuất.  
 Ngày sản xuất, hạn sử dụng, khối lượng tịnh in trên bao bì.  
 Thông tin, cảnh báo: không sử dụng sản phẩm hết hạn.  
 Sản phẩm có chứa lúa mì, trứng.  
 Xuất xứ: Việt Nam.

F810965G2 K kf Znhu Zdo Zdof1 C M Y AN 2017-10-31

	<b>COLORS:</b> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px;">K</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px;">W</div> </div>		<b>ĐỒNG Ý</b> <input type="checkbox"/> KÍCH THƯỚC <input type="checkbox"/> MÃ VẠCH <input type="checkbox"/> BỐ CỤC <input type="checkbox"/> NỘI DUNG <input type="checkbox"/> HÌNH ẢNH <input type="checkbox"/> MÀU SẮC		<b>CHỮ KÝ KHÁCH HÀNG</b>  Date ...../...../.....
	YC_VN 25919 a Sửa lần: 2	NVTK: Ngô Diên	Size: mm Date: 23/6/23 25/6/23	Emark: mm	
Remark: Before signing for approval please check carefully all detail because any error, inaccurate contents after production we will not be responsible Lưu ý: Trước khi ký xác nhận, vui lòng kiểm tra kỹ các chi tiết trên mẫu. Mọi sai sót sau khi sản xuất công ty chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm					

Sửa nội dung 2 chỗ khoanh vùng

